EFC CERTIFICATION ◆ EFC CERTIFICATION ◆ EFC CERTIFICATION ◆ EFC CERTIFICATION ◆ EFC CERTIFICATION ◆ EFC CERTIFICATION

CERTIFICATE ◆ ZERTIFIKAT ◆ 認証書 ◆ СЕРТИФИКАТ ◆ CHỨNG NHẬN ◆ CERTIFICADO

GIẤY CHỨNG NHẬN

Cấp cho

CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK

Trụ sở chính: 90/54 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

EFC International Certification chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức nói trên được đánh giá và tìm thấy phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý sau đây:

Tiêu chuẩn

ISO 22000:2018

Phạm vi chứng nhận

- **Sản xuất, in ấn và cung cấp bao bì, bao bì đựng thực phẩm bao gồm: bao bì nhựa, bao bì thân thiện môi trường, bao bì màng phức hợp, bao bì giấy, bao bì vải**
- **Kinh doanh vật tư, nguyên liệu sản xuất bao bì**

Ngày phê duyệt ban đầu: **21/03/2024**

Chứng nhận dựa trên sự vận hành thoả mãn liên tục của Tổ chức. Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày: **21/03/2027**

Để kiểm tra hiệu lực của Giấy chứng nhận vui lòng liên hệ số (+84.28) 38 95 96 95 *hoặc quét mã QR Code trên Giấy chứng nhận.*

Số giấy chứng nhận: **6202440049** **Ngày cấp: 21/03/2024**

Tổ chức chứng nhận Quốc tế EFC

EFC INTERNATIONAL CERTIFICATION & INSPECTION CORPORATION

Nguyễn Thị Trà Mi

FOOD SAFETY ISO 22000

EFC International Certification
10 th Floor, Pax Sky Bulding, 51 Nguyen Cu Trinh Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch: 24 Van Bao Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Vietnam
Tel: (84.28) 38 95 96 95
Email:info@efcvietnam.com
www.efc.vn

Scanned with CamScanner

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03623AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2024
Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **Giấy//AL//LLDPE; Giấy//MPET//LLDPE; HG-PA//LLDPE; OPP//CPP; OPP//Giấy//PET//LLDPE; OPP//LLDPE; OPP//MCPP; OPP//MPET//CPP; OPP//MPET//LLDPE; OPP//W.LLDPE; OPPM//KRAFT//LLDPE; OPPM//MCPP; OPPmalt// MPET//LLDPE; OPPmalt//AL//LLDPE; OPPmalt//Giấy//CPP; OPPmalt//Giấy//PET//CPP; PA//LLDPE; PA//MPET//LLDPE; PE//PE; Pearl//MPET//LLDPE; PET//AL//LLDPE; PET//AL//PA//LLDPE; PET//LLDPE; PET//MPET//LLDPE; PET//PA//LLDPE; MDOPE//LLDPE; OPP//AL//CPP; OPP//OPPmalt//MCPP; OPPmalt//Pearl//PET//LLDPE; OPPmalt//PET//LLDPE; PET//CPP; PET//Giấy//CPP; PET//Giấy//LLDPE; PET//MPET//PA//LLDPE**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 03/03/ *see picture on page 03/03*)

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 11/07/2024

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 12/07/2024 - 18/07/2024

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK**
VINPACK JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: 90/54 Đỗ Thừa Luông, Tân Quý, Tân Phú, Hồ Chí Minh.
Address: 90/54 Do Thua Luong Street, Tan Quy Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Xưởng sản xuất: Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
Binh Tien 2 Hamlet, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page*

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Dong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03623AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu *Requirement* (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)*	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-ethylene	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	< 10,0 (**)	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods".*

(**) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: kithuat@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 1 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03623AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2024

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/VINPACK/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK

Địa chỉ: 90/54 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0909 963 255 **E-mail:**

Mã số doanh nghiệp: 0312912724

Số Giấy chứng nhận cở sở đủ điều kiện ATTP: *(Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm bao gói sẵn không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định Nghị định 15/2018/NĐ-CP)*

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TÚI PA/PE

2. Thành phần: Polyamide (PA) và nhựa polyethylene (PE) (lớp PE tiếp xúc trực tiếp thực phẩm)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Tùy thuộc vào người sử dụng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 1 Kg, 2 Kg, 5 Kg, 10 Kg. Hoặc quy cách khác của nhà sản xuất

- Thông số kĩ thuật:

STT	Chiều rộng (cm)	Chiều dài (cm)
1	21	30
2	25	35
3	37	51

Hoặc kích thước khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong thùng carton. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Nội dung ghi nhãn dự thảo đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT *(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm)*

+ Bảng 1. Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện thôi nhiễm	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	60 °C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng $KmnO_4$		Nước	10 µg/ml

+ Bảng 5. Yêu cầu đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polyethylen và Polypropylen (PE và PP)

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25 °C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60 °C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	60 °C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0312912724 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK - Q. TÂN PHÚ - T.P HỒ CHÍ MINH

NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ THẢO

M.S.D.N: 0312912724 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK
Q. TÂN PHÚ - T.P HỒ CHÍ MINH

Tên sản phẩm: TÚI PA/PE

Thành phần: Polyamide (PA) và nhựa polyethylene (PE) (lớp PE tiếp xúc trực tiếp thực phẩm)

Khối lượng tịnh:

Kích thước:

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng: Dùng đóng gói hút chân không thực phẩm khô, thủy hải sản và có thể bảo quản đông lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nơi có nhiệt độ cao, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK

Địa chỉ sản xuất: 90/54 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCB: 02/VINPACK/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA2231000056-2

Tên khách hàng/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINPACK**

Địa chỉ/ *Client's Address* : 90/54 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received* : 29/09/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 29/09/2023 - 04/10/2023

Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 04/10/2023

Thông tin mẫu/ *Name of Sample* : **TÚI PA/PE**

Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu thành phẩm

Bảng kết quả/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) / Cadmium (Cd)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.0)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT
2	Chì (Pb) / Lead (Pb)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.0)	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT
3	Kim loại nặng (Thôi nhiễm trong dung dịch axit acetic 4% tại 60°C, 30 phút) / Total heavy metal (leaching 4% acetic acid solution at 60°C, 30 minutes)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT
4	Lượng $KMnO_4$ sử dụng (nước, 60°C, 30 phút) (*) / $KMnO_4$ used (distilled water, 60°C, 30 min) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 3)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT
5	Cặn khô thôi nhiễm (ngâm trong nước ở 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching distilled water at 60°C, 30 min) (*)	11.3	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT
6	Cặn khô thôi nhiễm (ngâm trong axit axetic 4% ở 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching 4% acetic acid at 60°C, 30 min) (*)	14.6	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: AVA2231000056-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
7	Cặn khô thôi nhiễm (ngâm trong etanol 20% ở 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching 20% ethanol at 60°C, 30 min) (*)	13.1	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT
8	Cặn khô thôi nhiễm (ngâm trong n-heptan ở 25°C, 60 phút) (*) / Evaporation residue (leaching n-heptane at 25°C, 60 min) (*)	14.9	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
4. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
5. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
6. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
7. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
NGUYỄN HỮU TRUYỀN	HỒ THỊ THANH PHƯƠNG